|  |  |
| --- | --- |
| **www.thuvienhoclieu.com**  **ĐỀ 1** | **ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II**  **Môn: Địa Lí Lớp 10**  *Thời gian: 45 phút* |

**1. Công nghiệp được chia làm hai nhóm A, B là dựa vào:**

A. Tính chất và đặc điểm.

B. Trình độ phát triển.

C. Công dụng kinh tế của sản phẩm.

D. Lịch sử phát triển của các ngành.

**2. “Điểm công nghiệp” được hiểu là:**

A. Một đặc khu kinh tế.

B. Một điểm dân cư có vài xí nghiệp công nghiệp.

C. Một diện tích nhỏ dùng để xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp.

D. Một lãnh thổ nhất định có những điều kiện thuận lợi để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

**3. Các ngành công nghiệp nhẹ thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì:**

A. Đây là những ngành tạo tiền đề để thực hiện công nghiệp hóa.

B. Đây là ngành đem lại hiệu quả kinh tế cao.

C. Phù hợp với điều kiện của các nước đang phát triển.

D. Sự phân công lao động quốc tế.

**4. Đa dạng về sản phẩm, phức tạp về trình độ kỹ thuật, sử dụng ít nhiên liệu, chịu ảnh hưởng lớn của lao động, thị trường và nguyên liệu. Đó là đặc điểm của ngành công nghiệp:**

A. Cơ khí, hóa chất B. Hóa chất C. Sản xuất hàng tiêu dùng. D. Năng lượng

**5. Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến giao thông vận tải:**

A. Quyết định sự có mặt và vai trò của các loại hình giao thông vận tải.

B. Ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

C. Ảnh hưởng đến hoạt động của giao thông vận tải.

D. Tất cả các yếu tố trên.

**6. Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành giao thông vận tải:**

A. Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa.

B. Chất lượng sản được đo bằng tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, an toàn.

C. Tiêu chí đánh giá là khối lượng vận chuyển, khối lượng luân chuyển và cự li vận chuyển trung bình.

D. Số lượng hành khách luân chuyển được đo bằng đơn vị: tấn.km.

**7. Vai trò nào sau đây không đúng với ngành dịch vụ:**

A. Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển mạnh.

B. Trực tiếp sản xuất ra máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

C. Cho phép khai thác tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

D. Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

**8. Để phát triển kinh tế - xã hội miền núi, giao thông cần đi trước một bước vì:**

A. Thúc đẩy giao lưu giữa các địa phương miền núi, miền núi với đồng bằng.

B. Tạo điều kiện khai thác thế mạnh to lớn của miền núi.

C. Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, hình thành cơ cấu kinh tế miền núi.

D. Tất cả các ý trên.

**9. Ngành công nghiệp nào là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại là:**

A. Công nghiệp điện lực B. Công nghiệp luyện kim.

C. Công nghiệp cơ khí. D. Công nghiệp điện tử tin học.

**10. Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên lượng chuyên môn hóa. Đó là đặc điểm của:**

A. điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**11. ngành công nghiệp không khói chính là ngành dịch vụ:**

A. Đúng B. Sai

**12. Chất lượng sản phẩm giao thông vận tải được đo bằng:**

A. tốc độ chuyên chở. B. Sự tiện nghi. C. Sự an toàn. D. Các ý đều đúng.

**13. Điểm công nghiệp có mặt hạn chế:**

A. Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

B. Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

C. không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác. D. Tất cả đều đúng.

**14. Ở các nước phát triển, số người hoạt động trong ngành dịch vụ là:**

A. 50 → 55%. B. 55 → 60%. C. 60 → 65%. D. trên 70%.

**15. Số hành khách và số tấn hàng hóa được vận chuyển gọi là:**

A. Khối lượng luân chuyển. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. D. Cự ly vận chuyển trung bình.

**16. Chở nặng, đi xa, tốc độ nhanh, ổn định và giá rẻ là đặc điểm của:**

A. Đường sắt. B. Đường biển. C. Đường ô tô. D. Hàng không.

**17. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đa dạng, phong phú, tùy thuộc vào:**

A. Điều kiện tự nhiên – dân cư. B. Kinh tế - chính sách.

C. Tiến bộ của khoa học kĩ thuật. D. Các ý đều đúng.

**18. Điểm công nghiệp có mặt tích cực:**

A. có tính cơ động, dễ ứng phó với các sự cố. B. Dễ thay đổi thiết bị.

C. không ràng buộc, không làm ảnh hưởng đến các xí nghiệp khác. D. Các ý đều đúng.

**19. Có các xí nghiệp nòng cốt (hay hạt nhân) là đặc điểm của trung tâm công nghiệp:**

A. Đúng B. Sai

**20. Sự phân bố ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với:**

A. Vùng sản xuất nguyên liệu. B. Điểm cong nghiệp.

C. Vùng công nghiệp. D. Phân bố dân cư.

**21. ở các hoang mạc nhiệt đới ảnh hưởng thuận lợi đến loại hình giao thông nào?**

A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường ô tô. D. Gia súc, lạc đà.

**22. Điểm công nghiệp đồng nhất với điểm dân cư có xí nghiệp công nghiệp:**

A. Đúng. B. Sai.

**23. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp gắn với đô thị vừa và lớn có vị trí địa lí thuận lợi là hình thức:**

A. điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**24. Ở các nước đang phát triển, tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ là:**

A. dưới 20%. B. dưới 30%. C. trên 40%. D. Khoảng 35%.

**25. Số hành khách tính bằng người.km và số tấn hàng hóa tính bằng tấn.km được gọi là:**

A. Khối lượng luân chuyển. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. D. Cự ly vận chuyển trung bình.

**26. Điểm công nghiệp có mặt hạn chế:**

A. Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

B. Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

C. không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác. D. Tất cả đều đúng.

**27. Nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản dùng để chỉ:**

A. Dầu khí B. Than đá C. Củi, gỗ D. Sức nước.

**28. Công nghiệp dệt, may thuộc nhóm ngành:**

A. Công nghiệp nặng B. Công nghiệp nhẹ C. Công nghiệp vật liệu D. Công nghiệp chế biến

**29. Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế kỹ thuật của một nước?**

A. Công nghiệp cơ khí. B. Công nghiệp hóa chất.

C. Công nghiệp điện tử - tin học. D. Công nghiệp năng lượng

**30. Ngành công nghiệp có khả năng lớn nhất để thúc đẩy cho cả công nghiệp nặng lẫn nông nghiệp phát triển là:**

A. Công nghiệp luyện kim. B. Công nghiệp dệt.

C. Công nghiệp hóa chất D. Công nghiệp năng lượng.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.thuvienhoclieu.com**  **ĐỀ 2** | **ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II**  **Môn: Địa Lí Lớp 10**  *Thời gian: 45 phút* |

**1. Công nghiệp dệt thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì:**

A. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ, phong phú

B. Có lao động dồi dào, đáp ứng nhu cầu lớn về nhân công

C. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn vì có dân số đông

D. Cả ba lý do trên đều đúng.

**2. Về phương diện quy mô có thể xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn như sau:**

A. Điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp

B. Điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp

C. Khu công nghiệp, điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp

D. Vùng công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, điểm công nghiệp

**3. Ngành công nghiệp thường đi trước một bước trong quá trình công nghiệp hóa của các nước là:**

A. Cơ khí B. Luyện kim C. Năng lượng D. Dệt

**4. Đặc điểm cơ bản của vùng công nghiệp là:**

A. Có nhiều ngành công nghiệp kết hợp với nhau trong một đô thị có quy mô vừa và lớn.

B. Có quy mô từ vài chục đến vài trăm hecta với ranh giới rõ ràng.

C. Sự kết hợp giữa một số xí nghiệp công nghiệp với một điểm dân cư.

D. Có không gian rộng lớn, có nhiều ngành công nghiệp với nhiều xí nghiệp công nghiệp.

**5. Nhân tố nào sau đây có tác động tới nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ:**

A. Quy mô dân số, lao động. B. Phân bố dân cư.

C. Truyền thống văn hóa. D. Trình độ phát triển kinh tế.

**6. Vai trò của ngành giao thông vận tải là:**

A. Đảm bảo cho các quá trình sản xuất xã hội diễn ra liên tục, bình thường

B. Đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân

C. Tạo nên mối giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới D. Tất cả các ý trên

**7. Để đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội ở miền núi cơ sở hạ tầng đầu tiên cần chú ý là:**

A. Phát triển nhanh các tuyến giao thông vận tải.

B. Xây dựng mạnh lưới y tế, giáo dục.

C. Cung cấp nhiều lao động và lương thực, thực phẩm.

D. Mở rộng diện tích trồng rừng.

**8. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đa dạng, phong phú, tùy thuộc vào:**

A. Điều kiện tự nhiên – dân cư. B. Kinh tế - chính sách.

C. Tiến bộ của khoa học kĩ thuật. D. Các ý đều đúng.

**9. Điểm công nghiệp có mặt tích cực:**

A. có tính cơ động, dễ ứng phó với các sự cố. B. Dễ thay đổi thiết bị.

C. không ràng buộc, không làm ảnh hưởng đến các xí nghiệp khác. D. Các ý đều đúng.

**10. Có các xí nghiệp nòng cốt (hay hạt nhân) là đặc điểm của trung tâm công nghiệp:**

A. Đúng B. Sai

**11. Sự phân bố ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với:**

A. Vùng sản xuất nguyên liệu. B. Điểm cong nghiệp.

C. Vùng công nghiệp. D. Phân bố dân cư.

**12. ở các hoang mạc nhiệt đới ảnh hưởng thuận lợi đến loại hình giao thông nào?**

A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường ô tô. D. Gia súc, lạc đà.

**13. Để phát triển kinh tế - xã hội miền núi, giao thông cần đi trước một bước vì:**

A. Thúc đẩy giao lưu giữa các địa phương miền núi, miền núi với đồng bằng.

B. Tạo điều kiện khai thác thế mạnh to lớn của miền núi.

C. Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, hình thành cơ cấu kinh tế miền núi.

D. Tất cả các ý trên.

**14. Ngành công nghiệp nào là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại là:**

A. Công nghiệp điện lực B. Công nghiệp luyện kim.

C. Công nghiệp cơ khí. D. Công nghiệp điện tử tin học.

**15. Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên lượng chuyên môn hóa. Đó là đặc điểm của:**

A. điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**16. ngành công nghiệp không khói chính là ngành dịch vụ:**

A. Đúng B. Sai

**17. Chất lượng sản phẩm giao thông vận tải được đo bằng:**

A. tốc độ chuyên chở. B. Sự tiện nghi. C. Sự an toàn. D. Các ý đều đúng.

**18. Điểm công nghiệp đồng nhất với điểm dân cư có xí nghiệp công nghiệp:**

A. Đúng. B. Sai.

**19. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp gắn với đô thị vừa và lớn có vị trí địa lí thuận lợi là hình thức:**

A. điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**20. Ở các nước đang phát triển, tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ là:**

A. dưới 20%. B. dưới 30%. C. trên 40%. D. Khoảng 35%.

**21. Số hành khách tính bằng người.km và số tấn hàng hóa tính bằng tấn.km được gọi là:**

A. Khối lượng luân chuyển. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. D. Cự ly vận chuyển trung bình.

**22. Điểm công nghiệp có mặt hạn chế:**

A. Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

B. Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

C. không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác. D. Tất cả đều đúng.

**23. Công nghiệp được chia làm hai nhóm A, B là dựa vào:**

A. Tính chất và đặc điểm.

B. Trình độ phát triển.

C. Công dụng kinh tế của sản phẩm.

D. Lịch sử phát triển của các ngành.

**24. “Điểm công nghiệp” được hiểu là:**

A. Một đặc khu kinh tế.

B. Một điểm dân cư có vài xí nghiệp công nghiệp.

C. Một diện tích nhỏ dùng để xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp.

D. Một lãnh thổ nhất định có những điều kiện thuận lợi để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

**25. Các ngành công nghiệp nhẹ thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì:**

A. Đây là những ngành tạo tiền đề để thực hiện công nghiệp hóa.

B. Đây là ngành đem lại hiệu quả kinh tế cao.

C. Phù hợp với điều kiện của các nước đang phát triển.

D. Sự phân công lao động quốc tế.

**26. Đa dạng về sản phẩm, phức tạp về trình độ kỹ thuật, sử dụng ít nhiên liệu, chịu ảnh hưởng lớn của lao động, thị trường và nguyên liệu. Đó là đặc điểm của ngành công nghiệp:**

A. Cơ khí, hóa chất B. Hóa chất C. Sản xuất hàng tiêu dùng. D. Năng lượng

**27. Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến giao thông vận tải:**

A. Quyết định sự có mặt và vai trò của các loại hình giao thông vận tải.

B. Ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

C. Ảnh hưởng đến hoạt động của giao thông vận tải.

D. Tất cả các yếu tố trên.

**28. Nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản dùng để chỉ:**

A. Dầu khí B. Than đá C. Củi, gỗ D. Sức nước.

**29. Công nghiệp dệt, may thuộc nhóm ngành:**

A. Công nghiệp nặng B. Công nghiệp nhẹ C. Công nghiệp vật liệu D. Công nghiệp chế biến

**30. Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế kỹ thuật của một nước?**

A. Công nghiệp cơ khí. B. Công nghiệp hóa chất.

C. Công nghiệp điện tử - tin học. D. Công nghiệp năng lượng

|  |  |
| --- | --- |
| **www.thuvienhoclieu.com**  **ĐỀ 3** | **ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II**  **Môn: Địa Lí Lớp 10**  *Thời gian: 45 phút* |

**1. Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành công nghiệp:**

A. Sản xuất phân tán trong không gian.

B. Sản xuất bao gồm hai giai đoạn.

C. Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân bố tỉ mỉ, có sự phối hợp chặt chẽ để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

D. Sản xuất có tính tập trung cao độ.

**2. Nhân tố làm thay đổi việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp:**

A. Dân cư và lao động B. Thị trường C. Tiến bộ khoa học kĩ thuật D. Chính sách

**3. Ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc ngành năng lượng?**

A. Khai thác than B. Khai thác dầu khí C. Điện lực D. Lọc dầu

**4. Hình thức cơ bản nhất để tiến hành hoạt động công nghiệp là:**

A. Điểm công nghiệp B. Xí nghiệp công nghiệp

C. Khu công nghiệp D. Trung tâm công nghiệp

**5. Ngành dịch vụ nào dưới đây không thuộc nhóm ngành dịch vụ kinh doanh:**

A. Giao thông vận tải B. Tài chính C. Bảo hiểm D. Các hoạt động đoàn thể

**6. Khi lựa chọn loại hình giao thông vận tải và thiết kế các công trình giao thông, yếu tố đầu tiên phải chú ý đến là:**

A. Trình độ kỹ thuật B. Vốn đầu tư C. Dân cư D. Điều kiện tự nhiên

**7. Hiện nay ngành đường sắt đang bị cạnh tranh khốc liệt bởi ngành đường ô tô lý do chính là vì:**

A. Thiếu cơ động, chỉ hoạt động được trên những tuyến cố định.

B. Vốn đầu tư lớn.

C. Sử dụng nhiều lao động để điều hành.

D. Tất cả các lý do trên.

**8. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp với các hình thức đã góp phần thành công sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước chủ yếu ở:**

A. Các nước phát triển. B. Các nước dang phát triển.

C. Ý A và B đúng. D. Các nước phát triển và nước công nghiệp mới.

**9. Điểm công nghiệp có mặt hạn chế:**

A. Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

B. Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

C. không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác. D. Tất cả đều đúng.

**10. Ở các nước phát triển, số người hoạt động trong ngành dịch vụ là:**

A. 50 → 55%. B. 55 → 60%. C. 60 → 65%. D. trên 70%.

**11. Số hành khách và số tấn hàng hóa được vận chuyển gọi là:**

A. Khối lượng luân chuyển. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. D. Cự ly vận chuyển trung bình.

**12. Chở nặng, đi xa, tốc độ nhanh, ổn định và giá rẻ là đặc điểm của:**

A. Đường sắt. B. Đường biển. C. Đường ô tô. D. Hàng không.

**13. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đa dạng, phong phú, tùy thuộc vào:**

A. Điều kiện tự nhiên – dân cư. B. Kinh tế - chính sách.

C. Tiến bộ của khoa học kĩ thuật. D. Các ý đều đúng.

**14. Điểm công nghiệp có mặt tích cực:**

A. có tính cơ động, dễ ứng phó với các sự cố. B. Dễ thay đổi thiết bị.

C. không ràng buộc, không làm ảnh hưởng đến các xí nghiệp khác. D. Các ý đều đúng.

**15. Có các xí nghiệp nòng cốt (hay hạt nhân) là đặc điểm của trung tâm công nghiệp:**

A. Đúng B. Sai

**16. Sự phân bố ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với:**

A. Vùng sản xuất nguyên liệu. B. Điểm cong nghiệp.

C. Vùng công nghiệp. D. Phân bố dân cư.

**17. ở các hoang mạc nhiệt đới ảnh hưởng thuận lợi đến loại hình giao thông nào?**

A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường ô tô. D. Gia súc, lạc đà.

**18. Để phát triển kinh tế - xã hội miền núi, giao thông cần đi trước một bước vì:**

A. Thúc đẩy giao lưu giữa các địa phương miền núi, miền núi với đồng bằng.

B. Tạo điều kiện khai thác thế mạnh to lớn của miền núi.

C. Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, hình thành cơ cấu kinh tế miền núi.

D. Tất cả các ý trên.

**19. Ngành công nghiệp nào là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại là:**

A. Công nghiệp điện lực B. Công nghiệp luyện kim.

C. Công nghiệp cơ khí. D. Công nghiệp điện tử tin học.

**20. Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên lượng chuyên môn hóa. Đó là đặc điểm của:**

A. điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**21. ngành công nghiệp không khói chính là ngành dịch vụ:**

A. Đúng B. Sai

**22. Chất lượng sản phẩm giao thông vận tải được đo bằng:**

A. tốc độ chuyên chở. B. Sự tiện nghi. C. Sự an toàn. D. Các ý đều đúng.

**23. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp gắn với đô thị vừa và lớn có vị trí địa lí thuận lợi là hình thức:**

A. điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**24. Ở các nước đang phát triển, tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ là:**

A. dưới 20%. B. dưới 30%. C. trên 40%. D. Khoảng 35%.

**25. Số hành khách tính bằng người.km và số tấn hàng hóa tính bằng tấn.km được gọi là:**

A. Khối lượng luân chuyển. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. D. Cự ly vận chuyển trung bình.

**26. Điểm công nghiệp có mặt hạn chế:**

A. Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

B. Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

C. không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác. D. Tất cả đều đúng.

**27. Công nghiệp được chia làm hai nhóm A, B là dựa vào:**

A. Tính chất và đặc điểm.

B. Trình độ phát triển.

C. Công dụng kinh tế của sản phẩm.

D. Lịch sử phát triển của các ngành.

**28. “Điểm công nghiệp” được hiểu là:**

A. Một đặc khu kinh tế.

B. Một điểm dân cư có vài xí nghiệp công nghiệp.

C. Một diện tích nhỏ dùng để xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp.

D. Một lãnh thổ nhất định có những điều kiện thuận lợi để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

**29. Các ngành công nghiệp nhẹ thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì:**

A. Đây là những ngành tạo tiền đề để thực hiện công nghiệp hóa.

B. Đây là ngành đem lại hiệu quả kinh tế cao.

C. Phù hợp với điều kiện của các nước đang phát triển.

D. Sự phân công lao động quốc tế.

**30. Đa dạng về sản phẩm, phức tạp về trình độ kỹ thuật, sử dụng ít nhiên liệu, chịu ảnh hưởng lớn của lao động, thị trường và nguyên liệu. Đó là đặc điểm của ngành công nghiệp:**

A. Cơ khí, hóa chất B. Hóa chất C. Sản xuất hàng tiêu dùng. D. Năng lượng

|  |  |
| --- | --- |
| **www.thuvienhoclieu.com**  **ĐỀ 4** | **ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II**  **Môn: Địa Lí Lớp 10**  *Thời gian: 45 phút* |

**1. Nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản dùng để chỉ:**

A. Dầu khí B. Than đá C. Củi, gỗ D. Sức nước.

**2. Công nghiệp dệt, may thuộc nhóm ngành:**

A. Công nghiệp nặng B. Công nghiệp nhẹ C. Công nghiệp vật liệu D. Công nghiệp chế biến

**3. Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế kỹ thuật của một nước?**

A. Công nghiệp cơ khí. B. Công nghiệp hóa chất.

C. Công nghiệp điện tử - tin học. D. Công nghiệp năng lượng

**4. Ngành công nghiệp có khả năng lớn nhất để thúc đẩy cho cả công nghiệp nặng lẫn nông nghiệp phát triển là:**

A. Công nghiệp luyện kim. B. Công nghiệp dệt.

C. Công nghiệp hóa chất D. Công nghiệp năng lượng.

**5. Ở một số nước ngành dịch vụ được phân thành:**

A. Dịch vụ kinh doanh B. Dịch vụ tiêu dùng C. Dịch vụ công D. Tất cả các ý trên

**6. Nhân tố ảnh hưởng quyết định tới sự phát triển, cũng như sự phân bố ngành giao thông vận tải là:**

A. Địa hình B. Khí hậu thuỷ văn

C. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế D. Sự phân bố dân cư

**7. Loại phương tiện vận tải được sử dụng như là phương tiện vận tải phối hợp nhiều loại hình giao thông vận tải là:**

A. Đường ô tô B. Đường hàng không C. Đường thủy D. Đường sắt

**8. Điểm công nghiệp đồng nhất với điểm dân cư có xí nghiệp công nghiệp:**

A. Đúng. B. Sai.

**9. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp gắn với đô thị vừa và lớn có vị trí địa lí thuận lợi là hình thức:**

A. điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**10. Ở các nước đang phát triển, tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ là:**

A. dưới 20%. B. dưới 30%. C. trên 40%. D. Khoảng 35%.

**11. Số hành khách tính bằng người.km và số tấn hàng hóa tính bằng tấn.km được gọi là:**

A. Khối lượng luân chuyển. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. D. Cự ly vận chuyển trung bình.

**12. Điểm công nghiệp có mặt hạn chế:**

A. Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

B. Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

C. không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác. D. Tất cả đều đúng.

**13. Ở các nước phát triển, số người hoạt động trong ngành dịch vụ là:**

A. 50 → 55%. B. 55 → 60%. C. 60 → 65%. D. trên 70%.

**14. Số hành khách và số tấn hàng hóa được vận chuyển gọi là:**

A. Khối lượng luân chuyển. B. Khối lượng vận chuyển.

C. Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. D. Cự ly vận chuyển trung bình.

**15. Chở nặng, đi xa, tốc độ nhanh, ổn định và giá rẻ là đặc điểm của:**

A. Đường sắt. B. Đường biển. C. Đường ô tô. D. Hàng không.

**16. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đa dạng, phong phú, tùy thuộc vào:**

A. Điều kiện tự nhiên – dân cư. B. Kinh tế - chính sách.

C. Tiến bộ của khoa học kĩ thuật. D. Các ý đều đúng.

**17. Điểm công nghiệp có mặt tích cực:**

A. có tính cơ động, dễ ứng phó với các sự cố. B. Dễ thay đổi thiết bị.

C. không ràng buộc, không làm ảnh hưởng đến các xí nghiệp khác. D. Các ý đều đúng.

**18. Có các xí nghiệp nòng cốt (hay hạt nhân) là đặc điểm của trung tâm công nghiệp:**

A. Đúng B. Sai

**19. Sự phân bố ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với:**

A. Vùng sản xuất nguyên liệu. B. Điểm cong nghiệp.

C. Vùng công nghiệp. D. Phân bố dân cư.

**20. ở các hoang mạc nhiệt đới ảnh hưởng thuận lợi đến loại hình giao thông nào?**

A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường ô tô. D. Gia súc, lạc đà.

**21. Để phát triển kinh tế - xã hội miền núi, giao thông cần đi trước một bước vì:**

A. Thúc đẩy giao lưu giữa các địa phương miền núi, miền núi với đồng bằng.

B. Tạo điều kiện khai thác thế mạnh to lớn của miền núi.

C. Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, hình thành cơ cấu kinh tế miền núi.

D. Tất cả các ý trên.

**22. Ngành công nghiệp nào là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại là:**

A. Công nghiệp điện lực B. Công nghiệp luyện kim.

C. Công nghiệp cơ khí. D. Công nghiệp điện tử tin học.

**23. Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên lượng chuyên môn hóa. Đó là đặc điểm của:**

A. Điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. Trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**24. ngành công nghiệp không khói chính là ngành dịch vụ:**

A. Đúng B. Sai

**25. Chất lượng sản phẩm giao thông vận tải được đo bằng:**

A. Tốc độ chuyên chở. B. Sự tiện nghi. C. Sự an toàn. D. Các ý đều đúng.

**26. Công nghiệp được chia làm hai nhóm A, B là dựa vào:**

A. Tính chất và đặc điểm.

B. Trình độ phát triển.

C. Công dụng kinh tế của sản phẩm.

D. Lịch sử phát triển của các ngành.

**27. “Điểm công nghiệp” được hiểu là:**

A. Một đặc khu kinh tế.

B. Một điểm dân cư có vài xí nghiệp công nghiệp.

C. Một diện tích nhỏ dùng để xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp.

D. Một lãnh thổ nhất định có những điều kiện thuận lợi để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

**28. Các ngành công nghiệp nhẹ thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì:**

A. Đây là những ngành tạo tiền đề để thực hiện công nghiệp hóa.

B. Đây là ngành đem lại hiệu quả kinh tế cao.

C. Phù hợp với điều kiện của các nước đang phát triển.

D. Sự phân công lao động quốc tế.

**29. Đa dạng về sản phẩm, phức tạp về trình độ kỹ thuật, sử dụng ít nhiên liệu, chịu ảnh hưởng lớn của lao động, thị trường và nguyên liệu. Đó là đặc điểm của ngành công nghiệp:**

A. Cơ khí, hóa chất. B. Hóa chất. C. Sản xuất hàng tiêu dùng. D. Năng lượng.

**30. Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến giao thông vận tải:**

A. Quyết định sự có mặt và vai trò của các loại hình giao thông vận tải.

B. Ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

C. Ảnh hưởng đến hoạt động của giao thông vận tải.

D. Tất cả các yếu tố trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.thuvienhoclieu.com**  **ĐỀ 5** | **ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II**  **Môn: Địa Lí Lớp 10**  *Thời gian: 45 phút* |

**Câu 1:** Các ngành kinh tế muốn phát triển được và mang lại hiệu quả kinh tế cao đều phải dựa vào sản phẩm của nhanh

A. Công nghiệp. B. Dịch vụ. C. Nông nghiệp. D. Xây dựng.

**Câu 2:** Trong sản xuất công nghiệp , khi tác động vào đối tượng lao động thì sản phẩm sẽ là

A. Tư liệu sản xuất. B. Nguyên liệu sản xuất.

C. Vật phẩm tiêu dùng. D. Máy móc.

**Câu 3:** Sản xuất công nghiệp có đặc điểm khác với sản xuất nông nghiệp là

A. Có tinh tập trung cao độ. B. Chỉ tập trung vào một thời gian nhất định.

C. Cần nhiều lao động. D. Phụ thuộc vào tự nhiên.

**Câu 4:** Sản phẩm của nhánh công nghiệp

A. Chỉ để phục vụ cho nhanh nông nghiệp. B. Chỉ để phục vụ cho giao thông vận tải.

C. Phục vụ cho tất cả các nhanh kinh tế. D. Chỉ để phục vụ cho du lịch.

**Câu 5:** Tỉ trọng đóng góp của nhanh công nghiệp trong GDP của một nước mà cao sẽ phản ánh được rõ nhất

A. Các nghành công nghiệp trọng điểm của nước đó. B. Trình độ phát triển kinh tế của nước đó.

C. Tổng thu nhập của nước đó. D. Bình quân thu nhập của nước đó.

**Câu 6:** Nghành công nghiệp nào sau đây đòi hỏi phải có không gian sản xuất rộng lớn ?

A. Công nghiệp chế biến. B. Công nghiệp dệt may.

C. Công nghiệp cơ khí. D. Công nghiệp khai thác khoáng sản.

**Câu 7:** Dựa vào tinh chất tác động đến đối tượng lao động , nghành công nghiệp được chia thành các nhóm nghành nào sau đây ?

A. Công nghiệp khai thác , công nghiệp nhẹ. B. Công nghiệp khai thác , công nghiệp nặng.

C. Công nghiệp khai thác , công nghiệp chế biến. D. Công nghiệp chế biến , công nghiệp nhẹ.

**Câu 8:** Dựa vào công dụng kinh tế của sản phẩm , sản xuất công nghiệp được chia thành các nhóm nghành nào sau đây ?

A. Công nghiệp nhẹ , công nghiệp khai thác . B. Công nghiệp nặng , công nghiệp nhẹ.

C. Công nghiệp nặng , công nghiệp khai thác. D. Công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ.

**Câu 9:** Để phân bố các nghành công nghiệp hợp lí và mang lại hiệu quả kinh tế cao thì phải dựa vào

A. Đặc điểm của nhanh công nghiệp đó. B. Nhanh năng lượng.

C. Nhanh nông – lâm – thủy sản , vì nghành này cung cấp nguồn nguyên liệu chủ yếu cho công nghiệp.

D. Khai thác , vì không có nghành này thì không có vật tư .

**Câu 10:** Đặc điểm phân bố của nghành công nghiệp khai thác là

A. Bao giờ cũng gắn với vùng nguyên liệu. B. Gắn với những nơi giao thông phát triển để dễ vận chuyển.

C. Gắn với thị trường tiêu thụ. D. Nằm thật xa khu dân cư.

**Câu 11:** Các nhánh dệt , nhuộm , sản xuất giấy thường phân bố gần nguồn nước là do

A. Tiện để tiêu thụ sản xuất. B. Các nhanh này sử dụng nhiều nước.

C. Tiện cho các nhanh này khi đưa nguyên liệu vào sản xuất. D. Nước là phụ gia không thể thiếu.

**Câu 12:** Với tinh chất đa dạng của khí hậu , kết hợp với các tập đoan cây trồng , vật nuôi phong phú là cơ sở để phát triển nhanh.

A. Công nghiệp hóa chất. B. Công nghiệp năng lượng.

C. Công nghiệp chế biến thực phẩm. D. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 13:** Ngành công nghiệp nào sau đây cần nhiều đến đội ngũ lao động kĩ thuật cao ?

A. Dệt – may. B. Giày – da . C. Công nghiệp thực phẩm. D. Điện tử - tin học.

**Câu 14:** Ngành công nghiệp dệt – may , da – giây thường phân bố ở những nơi có nguồn lao động dồi dào vì

A. Ngành này đòi hỏi nhiều lao động có trình độ. B. Ngành này đòi hỏi nhiều lao động có chuyên môn sâu.

C. Nhanh này sử dụng nhiều lao động nhưng không đòi hỏi trình độ công nghệ và chuyên môn cao.

D. Sản phẩm của nhanh này phục vụ ngay cho người lao động.

**Câu 15:** Ngành công nghiệp nào sau đây được cho là tiền đề của tiến bộ khoa học kĩ thuật ?

A. Luyện kim.    B. Hóa chất.    C. Năng lượng.   D. Cơ khí.

**Câu 16:** Ngành công nghiệp năng lượng bao gồm những phân nhanh nào sau đây ?

A. Khai thác dầu khí, công nghiệp luyện kim và cơ khí. B. Công nghiệp điện lực , hóa chất và khai thác than.

C. Khai thác gỗ , khai thác dầu khí và công nghiệp nhiệt điện. D. Khai thác than , khai thác dầu khí và công nghiệp điện lực.

**Câu 17:** Ngành khai thác than có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nhiên liệu cho

A. Nhà máy chế biến thực phẩm. B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Nhà máy nhiệt điện , nhà máy luyện kim D. Nhà máy thủy điện , nhà máy điện hạt nhân.

**Câu 18:** Khoáng sản nào sau đây được coi là ‘’ vàng đen ‘’ của nhiều quốc gia ?

A. Than    B. Dầu mỏ.    C. Sắt.    D. Mangan.

**Câu 19:** Từ dầu mỏ người ta có thể sản xuất ra được nhiều loại như:

A. Hóa phẩm , dược phẩm. B. Hóa phẩm, thực phẩm. C. Dược phẩm , thực phẩm. D. Thực phẩm , mỹ phẩm.

**Câu 20:** Ý nào sau đây không phải là vai trò của nhanh công nghiệp điện lực ?

A. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học – kĩ thuật. B. Là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại.

C. Là mặt hàng xuất khẩu có giá trị của nhiều nước. D. Đáp ứng đời sống văn hóa , văn minh của con người.

**Câu 21:** Ở nước ta,nhánh công nghiệp nào cần được ưu tiên đi trước một bước ?

A. Điện lực. B. Sản xuất hàng tiêu dùng. C. Chế biến dầu khí. D. Chế biến nông – lâm – thủy sản.

**Câu 22:** Loại than nào sau đây có trữ lượng lớn nhất thế giới ?

A. Than nâu.   B. Than đá.   C. Than bùn.   D. Than mỡ.

**Câu 23:** Những nước có sản lượng khai thác than lớn là những nước.

A. Đang phát triển. B. Có trữ lượng than lớ C. Có trữ lượng khoáng sản lớn D. Có trình độ công nghệ cao.

**Câu 24:** Ở nước ta , vùng than lớn nhất hiện đang khai thác là

A. Lạng Sơn.   B. Hòa Bình.   C. Quảng Ninh.   D. Cà Mau.

**Câu 25:** Dầu mỏ tập trung nhiều nhất ở khu vực nào sau đây ?

A. Bắc Mĩ. B. Châu Âu. C. Trung Đông. D. Châu Đại Dương.

**Câu 26:** Nước nào sau đây có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn ?

A. Hoa Kì. B. A – rập Xê – út. C. Việt Nam. D. Trung Quốc.

**Câu 27:** Ở nước ta hiện nay , dầu mỏ đang khai thác nhiều ở vùng nào ?

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc trung Bộ. C. Đông Nam Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 28:** Sản lượng điện trên thế giới tập trung chủ yếu ở các nước

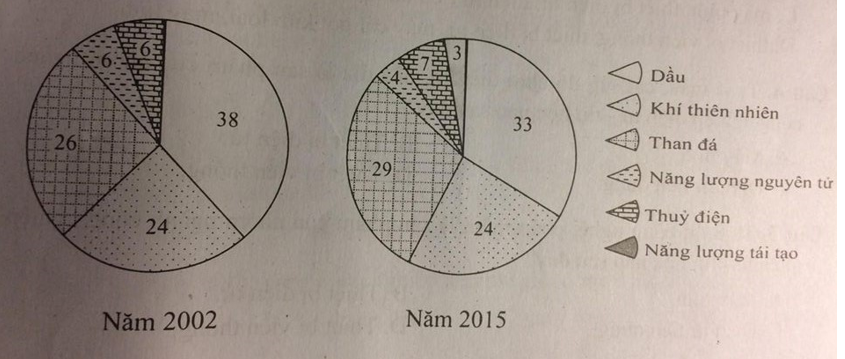
A. Có tiềm năng dầu khí lớn. B. Phát triển và những nước công nghiệp mới.

C. Có trữ lượng than lớn. D. Có nhiều sông lớn.

**Câu 29:** Nước nào sau đây có sản lượng điện bình quân theo đầu người lớn ?

A. Na – uy.    B. Trung Quốc.    C. Ấn Độ.    D. Cô – oét.

**Câu 30:** Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây ?

A. Sản lượng điện trên thế giới năm 2002 và năm 2015.

B. Cớ cấu sử dụng năng lượng thế giới năm 2002 và năm 2015.

C. Cơ cấu sản lượng điện bình quân đầu người thế giới năm 2002 và năm 2015.

D. Cơ cấu sản lượng điện thế giới năm 2002 và năm 2015.

**Câu 31:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đơn giản nhất là

A. Vùng công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. Điểm công nghiệp. D. Trung tâm công nghiệp.

**Câu 32:** Ý nào sau đây không phải là đặc điểm chinh của khu công nghiệp tập trung ?

A. Có rảnh giới rõ ràng , vị trí thuận lợi. B. Đồng nhất với một điểm dân cư.

C. Tập trung tương đối nhiều xí nghiệp. D. Sản xuất các sản phẩm dể tiêu dùng , xuất khẩu.

**Câu 33:** Một trong những đặc điểm chinh của khu công nghiệp tập trung là

A. Có các xí nghiệp hạt nhân. B. Bao gồm 1 đến 2 xí nghiệp đơn lẻ.

C. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp. D. Có các xí nghiệp hỗ trợ sản xuất công nghiệp.

**Câu 34:** Bao gồm khu công nghiệp , điểm công nghiệp và nhiều xí nghiệp công nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất , kĩ thuật , công nghệ là đặc điểm của.

A. Điểm công nghiệp. B. Vùng công nghiệp. C. Trung tâm công nghiệp. D. Khu công nghiệp tập trung.

**Câu 35:** Ý nào sau đây là một trong những đặc điểm curavufng công nghiệp ?

A. Đồng nhất với một điểm dân cư. B. Có ranh giới rõ ràng , vị trí thuận lợi .

C. Có các ngành phục vụ và bổ trợ. D. Khu công nghiệp tập trung.

**Câu 36:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn nhất ?

A. Điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung. C. Trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**Câu 37:** Có ranh giới địa lí xác định là một trong những đặc điểm của hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào ?

A. Điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung. C. Trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**Câu 38:** Sự tập hợp của nhiều điểm công nghiệp , khu công nghiệp , trung tâm công nghiệp có mối liên hệ về sản xuất và có những nét tương đồng trong quá trình hình thành công nghiệp là đặc điểm của

A. Điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung. C. Trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**Câu 39:** Ở các nước đang phát triển châu Á , trong đó có Việt Nam , phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung vì

A. Đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao. B. Có nguồn lao động dồi dào , trình độ cao.

C. Có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống. D. Có nguồn tài nguyên khoang sản phong phú.

**Câu 40:** Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa, đó là đặc điểm nổi bật của.

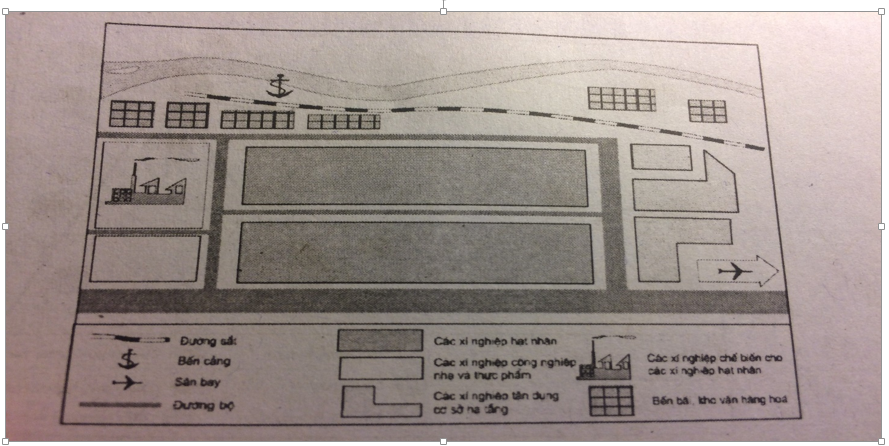
A. Vùng công nghiệp. B. Điểm công nghiệp. C. Trung tâm công nghiệp. D. Khu công nghiệp tập trung.

**Câu 41:** Ý nào sau đây không phải là đặc điểm của điểm công nghiệp ?

A. Đồng nhất với một điểm dân cư. B. Có một vài ngành tạo nên hướng chuyên môn hóa.

C. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp. D. Gồm 1 đến 2 xí nghiệp gần nguồn nguyên – nhiên liệu.

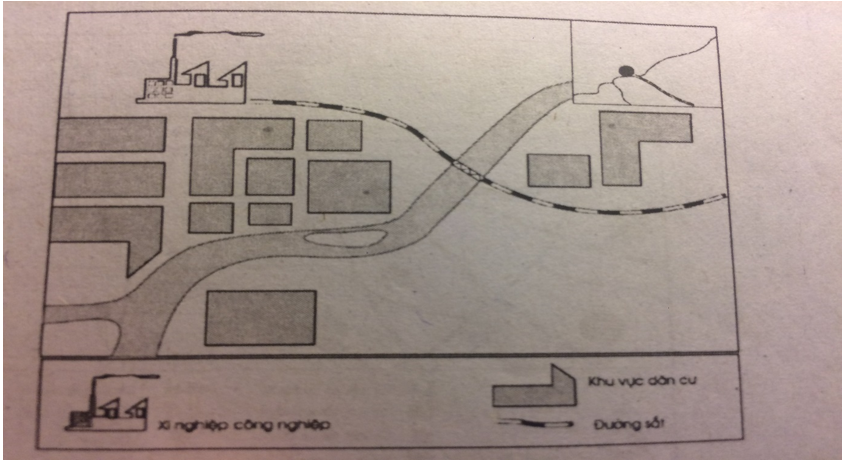
**Câu 42:** Cho sơ đồ sau :



Sơ đồ trên phù hợp với hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây ?

A. Điểm công nghiệp B. Khu công nghiệp tập trung. C. Trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**Câu 43:** Cho sơ đồ sau:

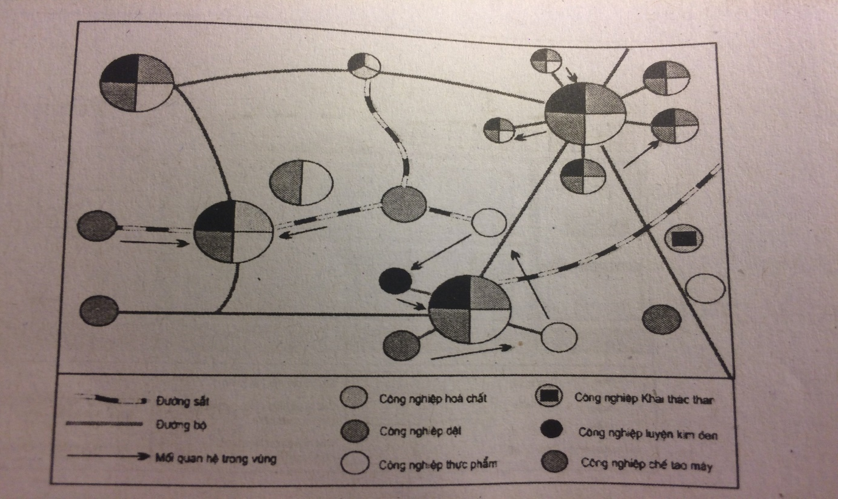


Sơ đồ trên phù hợp với hình thức tổ chứ lãnh thổ công nghiệp nào sau đây ?

A. Điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. Trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**Câu 44:** Cho sơ đồ sau :

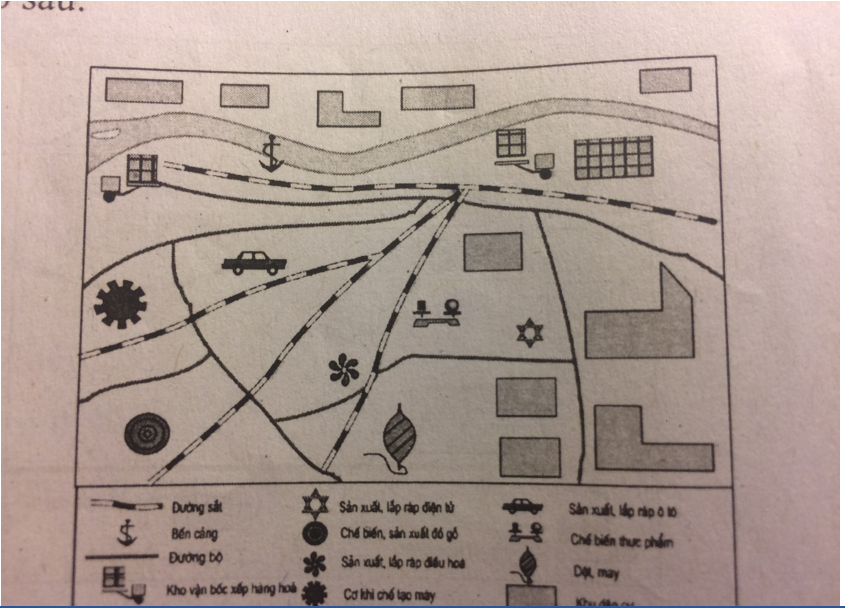


Sơ đồ trên phù hợp với hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây ?

A. Điểm công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.

C. Trung tâm công nghiệp. D. Vùng công nghiệp.

**Câu 45:** Cho sơ đồ sau :



Sơ đồ trên phù hợp với hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây ?

A. Điểm công nghiệp. B. Vùng công nghiệp.

C. Trung tâm công nghiệp. D. Khu công nghiệp tập trung.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.thuvienhoclieu.com**  **ĐỀ 6** | **ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II**  **Môn: Địa Lí Lớp 10**  *Thời gian: 45 phút* |

***I-TRẮC NGHIỆM* (5.0 đ)**

**Câu1. “Điểm công nghiệp” được hiểu là :**

A.Một đặc khu kinh tế . B. Một điểm dân cư có vài xí nghiệp công nghiệp.

C.Một diện tích nhỏ dùng để xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp

D. Một lãnh thổ nhất định có những điều kiện thuận lợi để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 2. Đặc điểm cơ bản của vùng công nghiệp là :**

A. Có nhiều ngành công nghiệp kết hợp với nhau trong một đô thị có quy mô vừa và lớn

B.Có quy mô từ vài chục đến vài trăm hecta với ranh giới rõ ràng.

C.Sự kết hợp giữa một số xí nghiệp công nghiệp với một điểm dân cư

D.Có không gian rộng lớn ,có nhiều ngành công nghiệp với nhiều xí nghiệp công nghiệp….

**Câu3.Đối với các nước đang phát triển các khu CN tập trung thường được xây dựng nhằm mục đích :**

A.Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa

B.Thu hút vốn đầu tư nước ngoài để giải quyết vốn, kỹ thuật và công nghệ

C.Sản xuất phục vụ xuất khẩu

D. Tạo sự hợp tác sản xuất giữa các xí nghiệp công nghiệp với nhau

**Câu 4. Than đá được xem là nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản vì :**

A.Than có trữ lượng lớn gấp nhiều lần dầu mỏ và khí đốt

B. Than có trữ lượng lớn , đa dạng và ra đời sớm

C. Than có thể sử dụng cả trong công nghiệp năng lượng , công nghiệp luyện kim và công nghiệp hóa chất

D.Sản lượng than có xu hướng tăng , nhiệt điện chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu năng lượng thế giới

**Câu 5. Về phương diện quy mô có thể xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn như sau :**

A. Điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp

B. Điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp

C. Khu công nghiệp, điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp

D.Vùng công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, điểm công nghiệp

**Câu 6. Nhờ ưu điểm nào sau đây mà dầu mỏ đã vượt qua than đá để trở thành nguồn năng lượng hàng đầu ?**

**A.** Khả năng sinh nhiệt lớn. B.Giá thành thấp .**C** Được nhiều nước quan tâm .D.Xu hướng phổ biến

**Câu 7.Nguồn năng lượng nào sau đây được sử dung sớm nhất trong việc sử dụng năng lượng của thế giới ?**

**A.** Than đá . B.Dầu mỏ . C.Sức nước. D.Năng lượng Mặt Trời.

**Câu 8. Ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc ngành năng lượng ?**

A.Khai thác than . B. Khai thác dầu khí . C Điện lực . D Lọc dầu .

**Câu 9. Ngành điện nguyên tử rất tiện lợi nhưng lại chậm phát triển ,nguyên nhân chính là do :**

A. Thiếu nguồn nguyên liệu để sản xuất .BĐòi hỏi trình độ kỹ thuật cao .

C.Chưa thật đảm bảo an toàn. D.Vốn đầu tư lớn nên các nước đang phát triển không thể xây dựng được.

**Câu 10. Trong cơ cấu sản lượng điện của thế giới hiện nay ,ngành chiếm tỷ trọng cao nhất là :**

A. Nhiệt điện . B.Thủy điện .C.Điện nguyên tử . D.Các nguồn năng lượng tự nhiên .

**Câu 11. Công nghiệp được chia làm hai nhóm A ,B là dựa vào :**

A. Tính chất và đặc điểm. B.Trình độ phát triển .

C.Công dụng kinh tế của sản phẩm. D.Lịch sử phát triển của các ngành.

**Câu 12.Công nghiệp dệt, may thuộc nhóm ngành :**

A.Công nghiệp nặng . C. Công nghiệp nhẹ .C Công nghiệp vật liệu .D.Công nghiệp chế biến.

**Câu 13.Các ngành công nghiệp nhóm A có đặc điểm nào sau đây ?**

A. Phải tập trung ở các thành phố lớn vì cần nhiều lao động.

B.Có vốn đầu tư và quy mô sản xuất lớn .

C.Sản xuất với số lượng lớn để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trực tiếp của con người .

D.Thường phải gắn liền với nguồn nguyên liệu hoặc thị trường tiêu thụ .

**Câu 14. Nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản là :**

A.Dầu khí . B.Than đá . C.Củi ,gỗ . D.Sức nước.

**Câu 15.Những nước sản xuất nhiều than đá là :**

A.Trung Quốc , Hoa Kì , Nga. B.Pháp ,Anh , Đức .C.Ba Lan .Ấn Độ, Ôxtrâylia .D.Hoa Kì ,Nga , Anh

**Câu 16.Quốc gia dẩn đầu sản lượng điện năng trên thế giới :**

A.Trung Quốc . B.Nhật Bản . C. Hoa Kỳ . D.Nga .

**Câu 17.Công nghiệp dệt thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì :**

**A.**Ở đó giàu tài nguyên . **B.**Có lao động dồi dào , đáp ứng nhu cầu lớn về nhân công .

**C.**Sản phẩm dễ xuất khẩu**.** D.Giao thông thuận lợi. .

**Câu 18. Ngành công nghiệp nào sau đây thưòng gắn chặt với nông nghiệp ?**

**A.** Cơ khí. B.Hóa chất . **C.**Dệt may. D.Chế biến thực phẩm.

**Câu 19. Sự khác nhau cơ bản giữa điểm công nghiệp và khu công nghiệp tập trung là :**

A.Điểm công nghiệp có dân cư sinh sống.

B. Điểm công nghiệp có nhiều sự kết hợp giữa các xí nghiệp công nghiệp.

C. Điểm công nghiệp có quy mô lớn.

D. Điểm công nghiệp là hình thức sản xuất công nghiệp lớn.

**Câu 20.Sự khác biệt cơ bản giữa đặc điểm sản xuất công nghiệp so với đặc điểm sản xuất nông nghiệp**:

A.Sản xuất công nghiệp cần sự hổ trợ của nông nghiệp .

B. Sản xuất công nghiệp cần trình độ công nghệ hiện đại.

C. Sản xuất công nghiệp cần không gian rộng lớn.

D. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc nhiều vào tự nhiên..

**II/TỰ LUẬN(5.0đ)**

**Câu 1**: Vì sao ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có thể phát triển rộng rãi thế giới? (2.0 điểm)

**Câu 2**: Cho bảng số liệu về sản lượng dầu mỏ của thế giới, thời kỳ 1950 – 2010.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1950** | **1970** | **1990** | **2010** |
| **Sản lượng *( triệu tấn)*** | 523 | 2 336 | 3 331 | 3 904 |

a. Vẽ biểu đồ (hình cột) thể hiện sản lượng dầu mỏ của thế giới thời kỳ 1950 -2010. (2.0 điểm)

b. Nêu nhận xét. (1.0 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **www.thuvienhoclieu.com**  **ĐỀ 7** | **ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II**  **Môn: Địa Lí Lớp 10**  *Thời gian: 45 phút* |

**I/ TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1: Công nghiệp được chia làm hai nhóm A, B là dựa vào:**

**A.** Công dụng kinh tế của sản phẩm. **B.** Lịch sử phát triển của các ngành.

**C.** Trình độ phát triển. **D.** Tính chất và đặc điểm.

**Câu 2: Điểm công nghiệp đồng nhất với điểm dân cư có xí nghiệp công nghiệp:**

**A.** Sai. **B.** Đúng.

**Câu 3: Đa dạng về sản phẩm, phức tạp về trình độ kỹ thuật, sử dụng ít nhiên liệu, chịu ảnh hưởng lớn của lao động, thị trường và nguyên liệu. Đó là đặc điểm của ngành công nghiệp:**

**A.** Cơ khí, hóa chất **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** Hóa chất **D.** Năng lượng

**Câu 4: Ngành công nghiệp nào là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại là:**

**A.** Công nghiệp điện tử tin học. **B.** Công nghiệp điện lực

**C.** Công nghiệp luyện kim. **D.** Công nghiệp cơ khí.

**Câu 5: Nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản dùng để chỉ:**

**A.** Củi, gỗ **B.** Dầu khí **C.** Than đá **D.** Sức nước.

**Câu 6: Điểm công nghiệp có mặt hạn chế:**

**A.** không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác.

**B.** Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

**C.** Tất cả đều đúng.

**D.** Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

**Câu 7: Ngành công nghiệp có khả năng lớn nhất để thúc đẩy cho cả công nghiệp nặng lẫn nông nghiệp phát triển là:**

**A.** Công nghiệp luyện kim. **B.** Công nghiệp dệt.

**C.** Công nghiệp hóa chất **D.** Công nghiệp năng lượng.

**Câu 8: Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến giao thông vận tải:**

**A.** Quyết định sự có mặt và vai trò của các loại hình giao thông vận tải.

**B.** Ảnh hưởng đến hoạt động của giao thông vận tải.

**C.** Tất cả các yếu tố trên.

**D.** Ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải.

**Câu 9: Ở các nước phát triển, số người hoạt động trong ngành dịch vụ là:**

**A.** 50 → 55%. **B.** 55 → 60%. **C.** 60 → 65%. **D.** trên 70%.

**Câu 10: Ngành công nghiệp không khói chính là ngành dịch vụ:**

**A.** Đúng **B.** Sai

**Câu 11: Chất lượng sản phẩm giao thông vận tải được đo bằng:**

**A.** tốc độ chuyên chở. **B.** Sự tiện nghi. **C.** Sự an toàn. **D.** Các ý đều đúng.

**Câu 12: Số hành khách và số tấn hàng hóa được vận chuyển gọi là:**

**A.** Khối lượng luân chuyển. **B.** Khối lượng vận chuyển.

**C.** Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. **D.** Cự ly vận chuyển trung bình.

**Câu 13: Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên lượng chuyên môn hóa. Đó là đặc điểm của:**

**A.** Vùng công nghiệp. **B.** trung tâm công nghiệp.

**C.** điểm công nghiệp. **D.** Khu công nghiệp tập trung.

**Câu 14: Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành giao thông vận tải:**

**A.** Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa.

**B.** Tiêu chí đánh giá là khối lượng vận chuyển, khối lượng luân chuyển và cự li vận chuyển trung bình.

**C.** Số lượng hành khách luân chuyển được đo bằng đơn vị: tấn.km.

**D.** Chất lượng sản được đo bằng tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, an toàn.

**Câu 15: Sự phân bố ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với:**

**A.** Phân bố dân cư. **B.** Điểm cong nghiệp.

**C.** Vùng công nghiệp. **D.** Vùng sản xuất nguyên liệu.

**Câu 16: Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đa dạng, phong phú, tùy thuộc vào:**

**A.** Điều kiện tự nhiên – dân cư. **B.** Kinh tế - chính sách.

**C.** Tiến bộ của khoa học kĩ thuật. **D.** Các ý đều đúng.

**Câu 17: Điểm công nghiệp có mặt tích cực:**

**A.** có tính cơ động, dễ ứng phó với các sự cố. **B.** Dễ thay đổi thiết bị.

**C.** không ràng buộc, không làm ảnh hưởng đến các xí nghiệp khác. **D.** Các ý đều đúng.

**Câu 18: Có các xí nghiệp nòng cốt (hay hạt nhân) là đặc điểm của trung tâm công nghiệp:**

**A.** Đúng **B.** Sai

**Câu 19: “Điểm công nghiệp” được hiểu là:**

**A.** Một diện tích nhỏ dùng để xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp.

**B.** Một đặc khu kinh tế.

**C.** Một lãnh thổ nhất định có những điều kiện thuận lợi để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

**D.** Một điểm dân cư có vài xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 20: Ở các nước đang phát triển, tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ là:**

**A.** Khoảng 35%. **B.** trên 40%. **C.** dưới 20%. **D.** dưới 30%.

**Câu 21: Để phát triển kinh tế - xã hội miền núi, giao thông cần đi trước một bước vì:**

**A.** Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, hình thành cơ cấu kinh tế miền núi.

**B.** Tạo điều kiện khai thác thế mạnh to lớn của miền núi.

**C.** Thúc đẩy giao lưu giữa các địa phương miền núi, miền núi với đồng bằng.

**D.** Tất cả các ý trên.

**Câu 22: Tổ chức lãnh thổ công nghiệp gắn với đô thị vừa và lớn có vị trí địa lí thuận lợi là hình thức:**

**A.** điểm công nghiệp. **B.** Khu công nghiệp tập trung.

**C.** trung tâm công nghiệp. **D.** Vùng công nghiệp.

**Câu 23: Vai trò nào sau đây không đúng với ngành dịch vụ:**

**A.** Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

**B.** Trực tiếp sản xuất ra máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

**C.** Cho phép khai thác tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**D.** Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển mạnh.

**Câu 24: Số hành khách tính bằng người.km và số tấn hàng hóa tính bằng tấn.km được gọi là:**

**A.** Khối lượng luân chuyển. **B.** Khối lượng vận chuyển.

**C.** Khối lượng luân chuyển và vận chuyển. **D.** Cự ly vận chuyển trung bình.

**Câu 25: Điểm công nghiệp có mặt hạn chế:**

**A.** Tốn kém nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

**B.** Không tận dụng được các phế liệu, giá thành sản phẩm cao.

**C.** không liên hệ về kĩ thuật, kinh tế với các xí nghiệp khác.

**D.** Tất cả đều đúng.

**Câu 26: Ở các hoang mạc nhiệt đới ảnh hưởng thuận lợi đến loại hình giao thông nào?**

**A.** Đường sông. **B.** Đường sắt. **C.** Đường ô tô. **D.** Gia súc, lạc đà.

**Câu 27: Công nghiệp dệt - May thuộc nhóm ngành:**

**A.** Công nghiệp nặng **B.** Công nghiệp nhẹ

**C.** Công nghiệp vật liệu **D.** Công nghiệp chế biến

**Câu 28: Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế kỹ thuật của một nước?**

**A.** Công nghiệp cơ khí. **B.** Công nghiệp hóa chất.

**C.** Công nghiệp điện tử - tin học. **D.** Công nghiệp năng lượng

**Câu 29: Các ngành công nghiệp nhẹ thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì:**

**A.** Sự phân công lao động quốc tế.

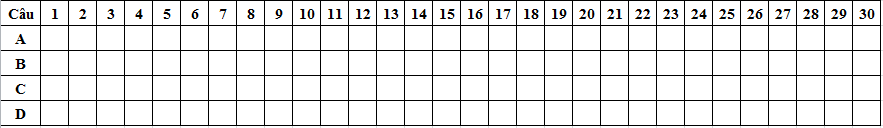
**B.** Đây là những ngành tạo tiền đề để thực hiện công nghiệp hóa.

**C.** Phù hợp với điều kiện của các nước đang phát triển.

**D.** Đây là ngành đem lại hiệu quả kinh tế cao.

**Câu 30: Chở nặng, đi xa, tốc độ nhanh, ổn định và giá rẻ là đặc điểm của:**

**A.** Đường sắt. **B.** Đường biển. **C.** Đường ô tô. **D.** Hàng không.



**II/ TỰ LUẬN:**

**Dựa vào bảng số liệu sau về sản lượng khai thác dầu mỏ của thế giới thời kỳ 1950 - 2003**

*(Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1950** | **1960** | **1970** | **1980** | **1990** | **2003** |
| **Sản lượng khai thác** | **523** | **1.052** | **2,336** | **3.066** | **3.331** | **3.904** |

-------- ***Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng lương thực thế giới thời kì 1950-2003***